

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN ĐÀ NẴNG

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

TS HUỲNH HUY HÒA
ThS TRẦN NHƯ QUỲNH

Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng

1. Các chính sách phát triển kinh tế biển bền vững của Việt Nam

Kinh tế biển đã từng bước khẳng định vai trò động lực phát triển của nền kinh tế. Các ngành kinh tế biển và ven biển đang đóng góp tỷ lệ lớn trong tổng sản phẩm quốc nội, tạo ra nguồn thu ngoại tệ lớn phục vụ phát triển đất nước; đồng thời, phát triển kinh tế biển còn đóng vai trò quan trọng trong tăng cường sức mạnh tổng hợp, thế và lực quốc gia.

Xác định được vai trò quan trọng của kinh tế biển, trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách khai thác tài nguyên môi trường, phát triển kinh tế biển. Từ những năm 1990, vai trò của kinh tế biển đã được thừa nhận thông qua các công cụ chính sách như Nghị Quyết 03-NQ/TW ngày 06-5-1993 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển; đã khẳng định đẩy mạnh phát triển kinh tế biển đi đôi với tăng cường khả năng bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái biển, phân đấu trở thành quốc gia mạnh về biển vào năm 2020. Thực hiện nghị quyết này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các chỉ thị triển khai như Chỉ thị 399 ngày 5-8-1993 về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt và Chỉ thị 171/TTg ngày 18-3-1995 về các công tác cần triển khai sau hội nghị phát triển kinh tế biển; tiếp đến là Chỉ thị 20-CT/TW ngày 22-9-1997 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo

hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp tục xác định việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế biển hướng mạnh vào xuất khẩu, dựa trên những tiến bộ khoa học, công nghệ làm động lực; vừa thúc đẩy nghiên cứu, quản lý, khai thác tiềm năng biển có hiệu quả, vừa tái tạo tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, đào tạo nhân lực... Tuy nhiên, đến năm 2007, từ khi có sự ra đời của Nghị quyết số 09-NQ/TW về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 với trọng tâm là Việt Nam trở thành “quốc gia mạnh về biển” thông qua “phát huy mọi tiềm năng từ biển” và Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 và Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được thông qua... đã đánh dấu mốc quan trọng, tạo ra một định hướng thống nhất, tổng thể, bền vững và có tính chất pháp lý lâu dài cho phát triển biển nói chung và kinh tế biển nói riêng.

Mục tiêu đặt ra của Nghị quyết số 09-NQ/TW về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, kinh tế biển sẽ đóng góp khoảng 53 - 55% GDP và 55 - 60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước cũng như hỗ trợ phát triển xã hội. Theo đó, để triển khai thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP, ngày 30-5-2007 và Chương trình hành động của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 137/2007/QĐ-TTg ngày 21-8-2007 về phê duyệt Đề án tổ chức thông tin phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên biển; Quyết định

số 1041/QĐ-TTg ngày 22-7-2009 về phê duyệt Đề án đảm bảo mạng lưới thông tin biển, đảo; Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 23-3-2010 về phê duyệt Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam... Các cơ quan ở Trung ương và địa phương, cùng với các lực lượng vũ trang đã chủ động xây dựng kế hoạch, trực tiếp triển khai chương trình hành động của Chính phủ và đã đạt được những kết quả quan trọng. Đặc biệt, hàng loạt các chiến lược như Chiến lược phát triển thủy sản năm 2010; Chiến lược phát triển du lịch năm 2010; Chiến lược phát triển giao thông vận tải năm 2010... đã được ban hành.

Năm 2018, Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22-10-2018 tại Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* một lần nữa nhấn mạnh đến kinh tế biển, xác định động lực chính là hướng tới sự phát triển bền vững của kinh tế biển dựa trên nền tảng tăng trưởng xanh (Green growth). Theo đó, năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 26-NQ/CP về Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Định hướng phát triển bền vững kinh tế biển Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Đối với thành phố Đà Nẵng, để triển khai thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 18-02-2019 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND về việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình hành động trên. Đồng thời, các nội dung phát triển bền vững kinh tế biển cũng được thành phố lồng ghép vào kế hoạch triển khai Nghị quyết 43 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.1. Định hướng về quốc phòng an ninh

- Tăng cường công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên biển; giữ gìn trật tự an toàn xã

hội trong khu vực biên giới biển; đảm bảo an toàn cho ngư dân và các hoạt động khai thác tài nguyên biển;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Nhà nước về khai thác hải sản xa bờ, rà soát, sửa đổi, ban hành các chính sách hỗ trợ ngư dân thành phố Đà Nẵng tham gia khai thác hải sản xa bờ kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên biển, đặc biệt vùng biển Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng;

- Tăng cường phối kết hợp giữa lực lượng vũ trang, dân quân biển và lực lượng liên quan trong tuần tra, kiểm tra, kiểm soát bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên biển, giữ gìn ổn định trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới biển thành phố Đà Nẵng.

2.2. Định hướng về công tác bảo tồn các giá trị tự nhiên, sinh thái

2.2.1. Bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển

- Bảo đảm tính đa dạng và toàn vẹn các hệ sinh thái biển; tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học biển trên cơ sở quy hoạch không gian biển của thành phố; phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt là các rạn san hô, thảm cỏ biển; bảo vệ các hệ sinh thái, các loài sinh vật biển có giá trị; triển khai rà soát theo quy định hành lang biển nhằm thiết lập hành lang gắn kết các khu cư trú và hành lang di cư tự nhiên cho các loài sinh vật để bảo tồn và phát triển các loài động, thực vật và bảo vệ nguồn nước; duy trì các bãi giồng, bãi đẻ; thực hiện điều tra, đánh giá tình hình khai thác, sử dụng nguồn lợi thủy sản; duy trì cải thiện sinh kế, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào khâu khai thác, quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý các nguồn lợi thủy sản; có giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường từ các phương tiện khai thác, vận chuyển trên biển.

- Bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển, ven biển; ngăn chặn tình trạng sử dụng các công cụ, phương tiện hủy diệt khai thác tài nguyên biển; sử dụng có hiệu quả hệ sinh thái san hô phục vụ phát triển du lịch. Bảo vệ các hệ sinh thái rừng ngập mặn giữa biển và đất liền như rừng tại đèo Hải Vân, bán đảo Sơn Trà; phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển.

2.2.2. Bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng chống thiên tai

- Ngăn ngừa, kiểm soát các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển; nâng cao năng lực phòng tránh, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường. Tiên phong trong lĩnh vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương; phân đấu 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường;

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến;

- Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt theo chuẩn quốc tế về môi trường biển đối với các nguồn thải ra biển. Xác định, phân loại, đánh giá các nguồn thải ảnh hưởng đến môi trường biển;

- Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt và xâm nhập mặn;

- Tăng cường đầu tư, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án cơ sở hạ tầng môi trường ven biển, chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải; xử lý dứt điểm các điểm nóng gây ô nhiễm môi trường biển.

2.3. Định hướng phát triển các ngành kinh tế biển

2.3.1. Du lịch và dịch vụ biển

(1) Phát huy tiềm năng, lợi thế biển trong phát triển du lịch và dịch vụ; khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch biển, tạo sản phẩm du lịch biển độc đáo, có tính đặc thù cao và xây dựng được thương hiệu du lịch Đà Nẵng đạt đẳng cấp quốc tế:

- Sản phẩm du lịch biển và nghỉ dưỡng cao cấp (có dòng sản phẩm/dịch vụ cho phân khúc khách cao cấp và siêu sang) được xác định là nhóm sản phẩm đặc trưng, sản phẩm du lịch chính được ưu tiên phát triển trong định hướng phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung đầu tư mở rộng không gian du lịch biển sang khu vực Vịnh Đà Nẵng với hệ thống sản phẩm du lịch 4.0: Đa dạng - đẳng cấp - khác biệt và sáng tạo, đáp ứng tầm nhìn đến năm 2050 trở thành “một trong những trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển, sinh thái cao cấp, sáng tạo và tổ chức hội nghị, sự kiện lễ hội mang tầm quốc tế”.

- Nâng cấp chất lượng của sản phẩm, dịch vụ của du lịch biển hiện có: Tiếp tục đầu tư phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp gắn với bất động sản

nghỉ dưỡng (condotel, shophouse, officetel...), trong đó bổ sung/nâng cấp các dịch vụ phục vụ phân khúc khách có khả năng chi trả cao như chăm sóc sức khỏe (kết hợp viện dưỡng lão), làm đẹp, nhà hàng cao cấp (fine dining), dịch vụ gắn với công nghệ 4.0... tại các khu nghỉ dưỡng hiện có ở khu vực ven biển tuyến đường Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa. Đầu tư mở rộng sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp gắn với bất động sản nghỉ dưỡng theo hình thức nghỉ dưỡng tại gia/shophouse/ngôi nhà thứ hai... ở các khu vực có tài nguyên thiên nhiên đặc sắc như Vịnh Đà Nẵng (nghiên cứu đầu tư hình thành đảo nổi nhân tạo trong dài hạn), các khu vực hồ chứa nước, nghỉ dưỡng núi, khuyến khích các dự án tổ hợp cao cấp.

+ Tiêu chuẩn hóa và bổ sung đa dạng các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí dưới nước chất lượng cao: SUP, ca nô kéo dù lượn, sky diving, jetski, lướt ván điều, lướt ván buồm, đi bộ dưới nước (Seawalker), lặn ngắm san hô, Flyboard, phao chuối...

+ Tổ chức định kỳ các sự kiện ven biển như câu lạc bộ đêm trên bãi biển, chương trình âm nhạc bãi biển..., mời các ca sĩ, DJ nổi tiếng thế giới, chương trình Đà Nẵng - Điểm hẹn mùa hè...

+ Thu hút tàu du lịch đường biển quốc tế đến Đà Nẵng như Mỹ, Canada, châu Âu (Ý, Pháp, Anh, Bồ Đào Nha...), Úc, châu Á (Đài Loan, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Thái Lan, Hong Kong)...

- Chú trọng đầu tư các sản phẩm du lịch biển tạo điểm nhấn: Đưa Đà Nẵng trở thành “Điểm đến du lịch thể thao biển” thông qua việc thu hút tổ chức các sự kiện thể thao biển quốc tế và các hoạt động thể thao giải trí biển.

- Thu hút phân khúc khách cao cấp (có khả năng chi trả cao) và “siêu sang” (có khả năng chi trả rất cao), thông qua phát triển ngành công nghiệp du thuyền với hệ thống các du thuyền cao cấp, tàu thủy lưu trú đêm trên vịnh, thuyền buồm, thủy phi cơ...

- Hình thành những sản phẩm du lịch độc đáo trên nền tảng tài nguyên sẵn có: Khai thác từ nắng, từ gió Đà Nẵng, từ văn hóa ứng xử với bão của Đà Nẵng (Bảo tàng về bão), hay thậm chí từ rác biển Đà Nẵng (Công viên tái chế), khách sạn lưu trú nổi trên biển (mô hình Floating Mansion tại Miami), nhà hàng dưới đáy biển (mô hình nhà hàng Italia, Maldives)...

Ở tầm nhìn dài hạn đến năm 2045, Đà Nẵng có đủ điều kiện để triển khai phát triển sản phẩm du lịch độc đáo ở qui mô lớn và chuyên biệt tại không gian Vịnh Đà Nẵng với mô hình du lịch đảo nổi “Trải nghiệm Đà Nẵng 360 độ - với góc nhìn không giới hạn và sáng tạo không giới hạn”. Đây sẽ là viễn cảnh của du lịch Đà Nẵng đến năm 2045 với trải nghiệm về một điểm đến nhiều công trình, sản phẩm độc đáo, sáng tạo và khác biệt được hình thành từ tư duy đa chiều, đa phong cách...

(2) Chú trọng đầu tư hạ tầng du lịch, ưu tiên đầu tư các khu du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao; chuyển đổi Cảng Tiên Sa thành cảng du lịch; xây dựng các bến du thuyền và hình thành đội tàu du lịch hiện đại chất lượng cao. Tập trung đầu tư Cảng Thuận Phước, Cảng Sông Hàn và các bến du thuyền đã được quy hoạch để phát triển du lịch đường thủy; đầu tư phát triển đa dạng các dịch vụ thể thao giải trí biển phục vụ du khách.

(3) Xây dựng, phát triển thương hiệu du lịch biển Đà Nẵng đẳng cấp quốc tế, có sự kết nối với các tuyến du lịch trong vùng và khu vực trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của thành phố.

2.3.2. Kinh tế hàng hải

(1) Xây dựng cụm Cảng Đà Nẵng trở thành cụm cảng lớn, hiện đại, là trung tâm cảng của miền Trung đạt đẳng cấp khu vực Đông Nam Á; nâng cao năng lực, công suất các cảng, đảm bảo giải quyết 100% khối lượng hàng hóa đi và đến; từng bước phát triển dịch vụ vận tải biển, dịch vụ hàng hải trở thành thế mạnh, khâu đột phá trong việc phát triển các lĩnh vực kinh tế khác

- Đến năm 2030, phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm logistics của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, trong đó Ga hàng hóa đường sắt, Cảng Liên Chiểu và Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng là cửa ngõ giao nhận, vận chuyển với các địa phương, các quốc gia trong khu vực ASEAN và quốc tế.

+ Hoàn thiện các hạ tầng liên quan đến logistics, đẩy mạnh đầu tư, phát triển cảng biển, mở rộng và nâng công suất cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng gắn với phát triển dịch vụ logistics. Xây dựng Đà Nẵng thành điểm trung chuyển, phân luồng hàng hóa của vùng, khu vực; hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ logistics tại miền Trung với hệ thống các

cảng biển Tiên Sa, Liên Chiểu và Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng.

+ Liên kết với các hiệp hội và doanh nghiệp dịch vụ logistics tại Đà Nẵng với các nước trong khu vực ASEAN và trên thế giới; thu hút các doanh nghiệp logistics nước ngoài nhất là các doanh nghiệp có thương hiệu trong lĩnh vực vận tải biển, logistics đến làm ăn, hợp tác với doanh nghiệp tại thành phố...

- Hình thành các trung tâm logistics cấp I quốc gia và cấp II của vùng và các trung tâm logistics chuyên dụng bảo đảm cung cấp các dịch vụ logistics và trung chuyển hàng hóa, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất trong nước, xuất nhập khẩu của thành phố và khu vực miền Trung, Tây Nguyên; có khả năng cung cấp dịch vụ logistics cạnh tranh cho luồng hàng hóa quốc tế trung chuyển trên hành lang kinh tế Đông - Tây qua Đà Nẵng.

(2) Nâng cấp và đầu tư xây dựng các cảng biển của thành phố, khai thác có hiệu quả các dịch vụ vận tải biển

Phát triển cảng biển Đà Nẵng là cảng tổng hợp quốc gia, quy hoạch tiềm năng là cảng biển đặc biệt Đà Nẵng (loại IA) bao gồm các khu chức năng: xây dựng Cảng Liên Chiểu thay thế cảng Tiên Sa hiện tại với vai trò chuyên logistics và vận chuyển hàng hóa. Cảng Tiên Sa sẽ tiếp tục chức năng với vai trò hàng hóa và logistics đến năm 2030, từng bước chuyển đổi công năng thành cảng du lịch phù hợp tiến trình đầu tư Cảng Liên Chiểu. Tiếp tục giữ nguyên khu bến Thọ Quang là cảng tổng hợp cho tàu trọng tải từ 10.000 - 20.000 tấn, có bến chuyên dùng cho tàu trọng tải từ 5.000 - 10.000 tấn. Cảng cạn (ICD): trong thời gian tới cần đầu tư, phát triển ICD Hòa Vang quy mô đến năm 2030 tương ứng là 300.000 TEU và 30ha trong khu vực Trung tâm logistics Hòa Nhơn.

(3) Hoàn thiện hạ tầng logistics và các tuyến đường giao thông kết nối liên thông các cảng biển với các khu công nghiệp của thành phố và với các vùng, miền, địa phương trong nước và quốc tế;

(4) Phát triển đội tàu vận tải biển với cơ cấu hợp lý, ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế.

2.3.3. Nuôi trồng và khai thác hải sản

(1) Tăng cường, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản,

đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ từ thành phố đến quận, huyện và xã, phường.

Chuyển từ khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang hiện đại, tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao; điều chỉnh cơ cấu tàu thuyền theo hướng đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo; hạn chế khai thác ven bờ, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính hủy diệt; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân; gắn khai thác với bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ an ninh chủ quyền lãnh hải quốc gia.

- Đầu tư hoàn thiện đồng bộ hạ tầng nghề cá tại Âu thuyền và cảng cá Thọ Quang, nâng cấp, cải tạo cảng cá Thọ Quang hiện tại thành cảng cá loại I (cảng cá động lực thuộc trung tâm nghề cá lớn Đà Nẵng) kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, xây dựng Đà Nẵng trở thành Trung tâm nghề cá hiện đại gắn với ngư trường truyền thống Hoàng Sa. Khai thác và kết nối dịch vụ hậu cần với Khu công nghiệp chế biến thủy sản Thọ Quang để đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản; đầu tư xây dựng, từng bước phát triển Cảng cá và Chợ Thủy sản đầu mối Thọ Quang thành điểm tham quan du lịch đặc sắc, thu hút du khách. Di dời các cơ sở đóng sửa tàu cá nằm trong khu vực âu thuyền ra ngoài Vịnh Mân Quang.

(3) Phát triển chế biến thủy sản bền vững theo quy hoạch, gắn với phát triển vùng nguyên liệu thủy sản, đảm bảo ổn định và kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thủy sản. Thúc đẩy đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, xử lý ô nhiễm môi trường trong các nhà máy chế biến thủy sản hiện có; đầu tư mạnh cho khai thác hải sản xa bờ gắn với việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong khai thác và bảo quản sản phẩm đảm bảo chất lượng cho chế biến xuất khẩu.

(4) Phát triển công nghiệp đóng sửa tàu thuyền với các sản phẩm chủ lực tàu biển chuyên dụng, tàu thuyền công suất lớn phục vụ khai thác, đánh bắt hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần nghề cá. Bên cạnh việc thực hiện đóng mới, nâng cấp tàu công suất lớn khai thác xa bờ, chú trọng cơ giới hóa trang thiết bị, nâng cấp hàm bảo quản sản phẩm, phát triển tàu dịch vụ hậu cần trên biển để nâng cao chất lượng

sản phẩm khai thác. Đồng bộ hệ thống kết nối thông tin liên lạc giữa biển - bờ, nâng cao trách nhiệm quản lý nghề cá, hướng dẫn ghi chép để truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo IUU, đảm bảo đúng quy định của pháp luật quốc tế về nghề cá.

(5) Đầu tư phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như được liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển.

(6) Quy hoạch vùng nuôi trồng tại xã An Trạch, Hòa Khương, Hòa Vang và Khu vực giáp vành đai phía Tây xã Hòa Khương giáp với thôn Nam Thành, Hòa Phong. Ứng dụng công nghệ cao và các thành tựu nghiên cứu, phát triển công nghệ cao vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm thủy sản ứng dụng công nghệ cao để phục vụ nhân rộng phát triển sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao của thành phố; đào tạo nhân lực công nghệ cao trong lĩnh vực thủy sản; thu hút nguồn đầu tư, nhân lực công nghệ cao trong nước và ngoài nước...

3.3.4. Công nghiệp ven biển

(1) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp công nghệ cao. Hình thành hệ thống các khu công nghiệp sinh thái, cụm công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường gắn với hệ thống giao thông và cảng biển của thành phố để hướng mạnh vào công nghiệp chế biến, xuất khẩu; phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp phục vụ các ngành kinh tế thuần biển, nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm công nghiệp.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng. Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng phân bố các lĩnh vực chế biến thủy sản, thực phẩm khác, công nghiệp cơ khí sửa chữa tàu thuyền, sản xuất ngư cụ, dịch vụ du thuyền.

- Triển khai Đề án chuyển đổi KCN Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng theo hướng kết hợp giữa chế biến thủy sản, thương mại dịch vụ hậu cần và logistics nhằm phát triển có hiệu quả về kinh tế gắn với bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, trong đó, chuyển đổi các dự án tiếp giáp khu vực dân cư thành các dự án thương mại dịch vụ hậu cần và logistics; khu vực tiếp giáp với khu dịch vụ âu thuyền Thọ Quang tiếp tục bố trí các dự án sản xuất trên cơ sở đầu tư nâng cấp công nghệ sản

Xem tiếp trang 37

đơn vị nơi mình công tác. Cơ sở là nơi thực tế diễn ra hết sức phong phú, sinh động. Phát huy dân chủ cơ sở làm cho lý luận gắn liền với thực tiễn, phục vụ thực tiễn, được chứng minh và bổ sung trong thực tiễn.

Năm là, phát huy dân chủ trong hoạt động của các cơ quan nghiên cứu lý luận và đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, tuyên truyền lý luận chính trị. Tư duy lý luận là cấp độ cao của nhận thức gắn với năng lực nắm bắt bản chất đối tượng nghiên cứu, phát triển tri thức mới ở tầm lý luận để định hướng cho hoạt động thực tiễn. Điều đó đòi hỏi phải có đội ngũ các nhà nghiên cứu chuyên sâu về lý luận. Kết quả hoạt động của họ (các công trình nghiên cứu, các đề xuất...) một khi được phổ biến trong xã hội sẽ có tác động tích cực to lớn trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phát huy dân chủ, thực hành dân chủ rộng rãi trong nghiên cứu lý luận là động lực mạnh mẽ để nâng tầm tư duy lý luận của Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên. Vì vậy, phải “Thực hiện nghiêm quy định dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị, tạo môi trường dân chủ, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của các tổ chức và cá nhân. Chú trọng cập nhật kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; sớm kết luận những vấn đề lý luận đã chín, đã rõ để phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁷. Đội ngũ làm công tác lý luận là bộ phận nòng cốt, chủ đạo của nguồn nhân lực cho sự phát triển của tư duy lý luận vừa trực tiếp tham gia vào việc nâng cao trình độ nhận thức, năng lực tư duy lý luận của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 47.
- 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ ba, Nxb CTQG, HN, 2011, t. 12, tr. 438; t. 5, tr. 308.
4. Quy định số 285- NQ/TU, ngày 25-4-2015 của Bộ Chính trị về *Dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan đảng, nhà nước*.
- 5, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2021, t. 1, tr. 181, 182.
6. Chỉ thị số 30-CT/TU (1998) của Bộ Chính trị (khóa VIII) và Kết luận 120-KL/TW (2016) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; Pháp lệnh số 34/2007/PL-TBTVQH về Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP về Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 149/2018/NĐ-CP về Thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (Luật số 10/2022/QH15, được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 4, ngày 10 tháng 11 năm 2022).

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC NGÀNH...

Tiếp theo trang 99

xuất tiến tiến, đảm bảo tốt về môi trường, đồng thời cải tạo cảnh quan trở thành điểm tham quan, du lịch.

(2) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong khai thác, bảo quản, chế biến hải sản, tạo các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường; thúc đẩy nghiên cứu phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các công nghệ mới về xử lý môi trường trong ngành chế biến thủy, hải sản.

3.5.6. Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới

(1) Tìm kiếm, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo để cung cấp cho vùng ven biển, các hoạt động khai thác tiềm năng biển qua đó giảm áp lực lên các nguồn năng lượng không tái tạo và ngành thủy điện, góp phần bảo vệ môi trường;

(2) Nghiên cứu, chuyên giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong việc phát triển các nguồn năng

lượng mới; xây dựng chính sách nhằm khuyến khích, thu hút các nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng năng lượng mới;

(3) Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác phục vụ cho phát triển bền vững kinh tế biển; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển năng lượng tái tạo; quy hoạch, bố trí quỹ đất hình thành trung tâm phát triển nguồn năng lượng tái tạo.

3.5.7. Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển

Nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng khoáng sản biển, chú trọng điều tra các loại khoáng sản có giá trị cao, có ý nghĩa chiến lược; kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến khoáng sản với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.